

Bản tin Phân tích kỹ thuật

20/08/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

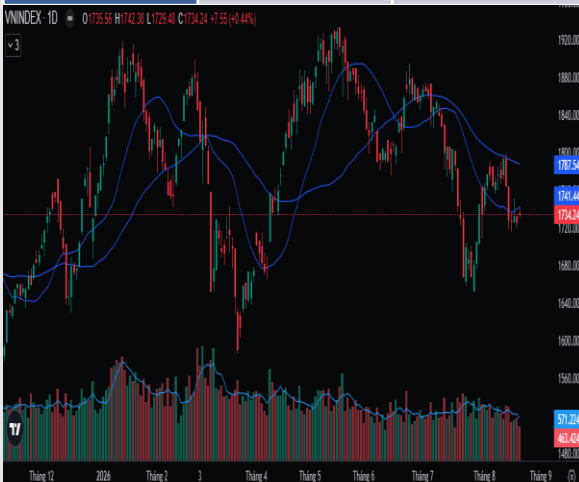
- 4111G9000 điều chỉnh giảm quanh mốc 1.900 điểm. Tuy nhiên, hợp đồng đang tiếp cận vùng hỗ trợ quan trọng 1.880 điểm. Dự báo sẽ xuất hiện nhịp hồi phục tại đây. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế mua quanh 1.880 điểm, mục tiêu tại 1.890 điểm và dừng lỗ là ngưỡng 1.875 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 1.880 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.890 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.875 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Tiêu cực
VN30	Tiêu cực	Tiêu cực
VNMid	Trung tính	Tiêu cực
VNSmall	Trung tính	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Trung tính

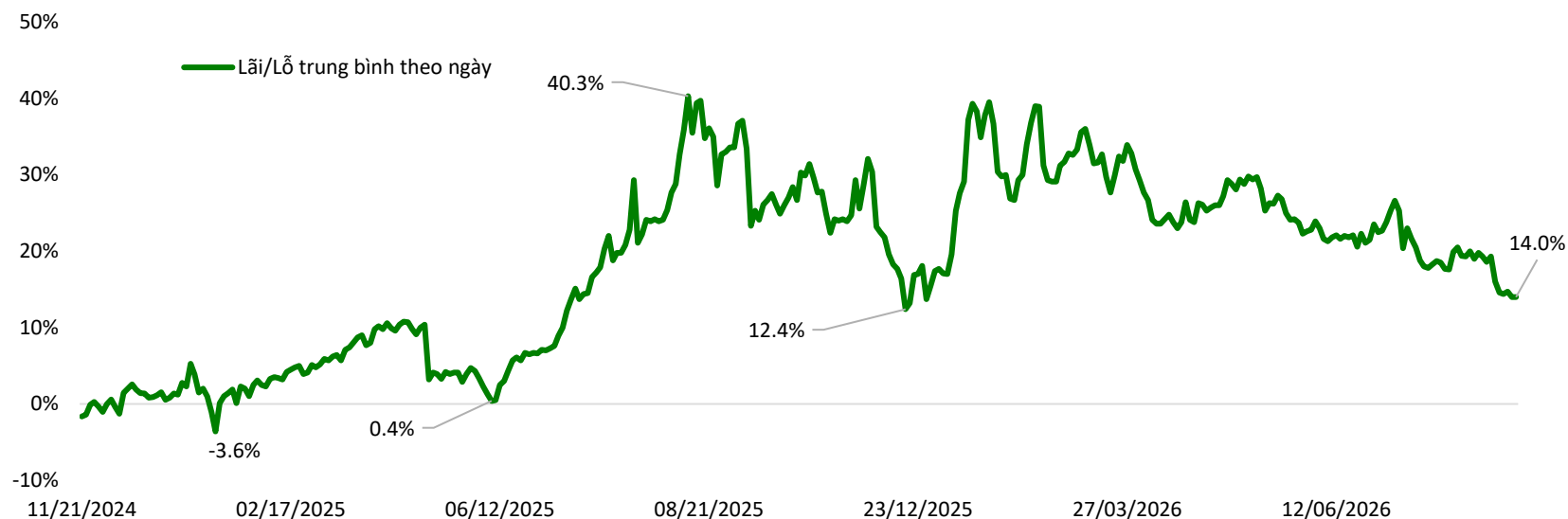


Nguồn: Vietcap

- VN-Index tiếp tục vận động trong môi trường thanh khoản thấp. Về phía lực bán, phần lớn các nhóm ngành không ghi nhận áp lực cung nổi bật. Ở chiều ngược lại, lực cầu trong phiên 20/08 gia tăng cục bộ, tuy chưa lan tỏa mạnh nhưng đã cải thiện về độ rộng so với phiên 19/08 tại nhóm Ngân hàng, Tiêu dùng, Công nghệ và Bán lẻ.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index vẫn đóng cửa dưới vùng 1.740 điểm, do đó tín hiệu điều chỉnh ngắn hạn chưa được phủ nhận. Tuy nhiên, cán cân cung cầu đã có sự chuyển biến tích cực hơn, với ưu thế bắt đầu nghiêng về bên mua. Đây là điểm cải thiện rõ nhất trong bốn phiên gần đây. Theo đó, phiên 21/08 có khả năng xuất hiện nhịp tăng, với hỗ trợ gần tại vùng 1.715 điểm.
- Đánh giá khả năng đảo chiều, tín hiệu hiện tại đang ủng hộ xác suất VN-Index tăng trong phiên 21/08, với mục tiêu kiểm định vùng 1.740–1.750 điểm. Nếu chỉ số đóng cửa trong khu vực này kèm lực cầu lan tỏa và thanh khoản cải thiện, tín hiệu đảo chiều từ điều chỉnh sang tăng sẽ được xác nhận.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
GMD	31/07/2026		Đang mở	77,000	75,000	2.7%	72,000	85,000	75,000	
NVL	05/08/2026		Đang mở	13,000	13,450	-3.3%	12,600	15,300		
MBB	13/08/2026		Đang mở	20,300	20,300	0.0%	20,000	22,000	19,800	



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	202,000	1.00%	-2.84%	1,567,962	3.265	2,920	9.2	69.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	20,300	1.75%	0.74%	204,396	0.747	3,239	1.4	6.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCB	57,800	0.70%	-2.86%	482,958	0.701	4,984	1.9	11.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHM	69,500	0.58%	-3.20%	570,930	0.688	9,718	2.2	7.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	31,400	1.29%	-2.33%	243,882	0.655	5,172	1.2	6.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	68,100	2.56%	0.74%	99,452	0.530	4,635	2.5	14.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DMX	81,800	-2.15%	-4.81%	103,700	-0.465	5,208	5.8	15.7	Tích cực			
LPB	50,000	-1.38%	-7.06%	149,364	-0.429	3,780	3.5	13.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VNM	64,000	1.43%	3.90%	133,757	0.397	5,246	4.2	12.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MCH	138,000	1.02%	0.80%	180,422	0.385	5,430	9.7	25.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FPT	69,800	1.31%	0.87%	119,660	0.325	5,865	3.0	11.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
BSR	27,000	1.12%	1.89%	135,197	0.316	3,933	1.8	6.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
LPS	30,800	-3.14%	0.00%	43,387	-0.284	836	2.4	36.9	Tích cực			
CRV	25,400	-6.96%	3.67%	17,460	-0.253	122	2.3	208.0	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
SAB	46,800	1.96%	2.07%	60,024	0.245	3,723	3.1	12.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THD	138,000	-2.13%	-1.71%	53,130	-3.961	396	10.5	348.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSF	78,100	0.90%	-2.38%	70,273	2.227	17,023	3.3	4.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	37,000	2.78%	5.71%	18,923	1.842	4,118	1.2	9.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
KSV	116,400	0.78%	-4.59%	34,920	0.953	11,736	5.3	9.9	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	31,800	-1.85%	-7.02%	13,275	-0.861	5,201	2.0	6.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PGS	63,000	-5.69%	2.94%	3,150	-0.628	2,718	3.1	23.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHC	88,300	-9.81%	-4.54%	1,450	-0.498	3,320	2.1	26.6	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LAS	12,500	8.70%	3.31%	1,411	0.430	812	0.9	15.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIF	15,000	-1.96%	-3.23%	5,390	-0.370	1,408	1.1	10.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
PTI	20,000	-4.31%	-4.76%	2,412	-0.364	2,212	0.9	9.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	87,300	2.46%	2.71%	265,749	0.254	4,019	7.0	21.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
TIN	106,000	-6.69%	-11.67%	9,680	-0.025	17,882	3.4	5.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MVN	64,500	0.78%	4.03%	76,492	0.023	2,296	4.9	27.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	45,900	3.85%	6.74%	14,849	0.022	3,743	2.2	12.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SNZ	23,200	-4.53%	-5.31%	8,745	-0.015	2,470	1.1	9.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
ACV	40,900	0.25%	-0.24%	146,463	0.014	3,117	2.0	13.1	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
VUA	12,600	-13.10%	-27.17%	2,660	-0.014	616	1.3	21.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
ABB	17,000	1.19%	1.80%	27,159	0.013	2,911	1.2	5.8	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
TOS	100,900	3.38%	-1.08%	7,587	0.010	13,720	3.2	7.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SII	19,100	19.38%	19.38%	1,232	0.009	234	0.9	81.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

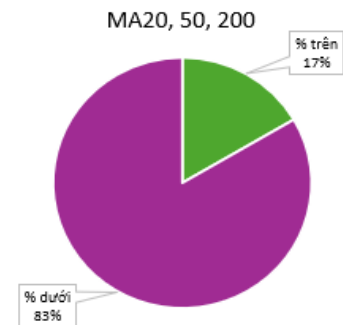
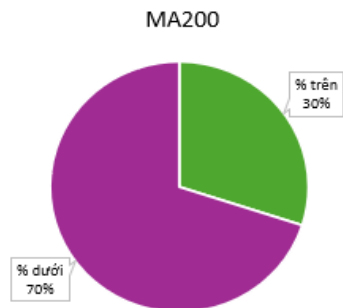
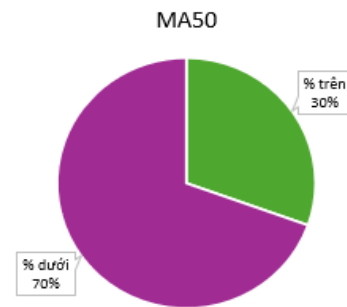
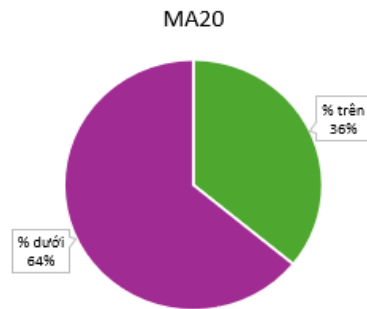
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PHP	45,900	3.8%	10.9	8.8	29,808	45,000	2.2	12.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTF	21,000	0.5%	6.6	6.3	16,500	20,900	2.0	139.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SCL	25,900	3.6%	7.2	3.8	15,438	25,000	2.1	9.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SBG	13,200	5.6%	6.4	1.7	9,458	12,999	1.2	14.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
LPS	30,800	-3.1%	10.8	29.4	31,800	31,800	2.4	36.9	Tích cực	N/A	N/A	Trung tính
DDV	17,800	-0.6%	6.9	5.6	17,900	33,915	1.2	4.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SCR	4,430	-1.6%	5.5	6.6	4,480	10,200	0.4	26.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HVH	11,350	6.6%	9.9	2.6	9,970	13,500	1.0	10.0	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			20/08/2026	19/08/2026	18/08/2026	17/08/2026	14/08/2026	13/08/2026	12/08/2026	11/08/2026
VNINDEX	MA200	Trên	26%	25%	25%	25%	25%	25%	26%	25%
		Dưới	74%	75%	75%	75%	75%	75%	74%	75%
	MA50	Trên	29%	28%	30%	31%	31%	34%	35%	34%
		Dưới	71%	72%	70%	69%	69%	66%	65%	66%
	MA20	Trên	41%	41%	46%	52%	50%	57%	64%	62%
		Dưới	59%	59%	54%	48%	50%	43%	36%	38%
VN30	MA200	Trên	37%	37%	37%	33%	33%	37%	37%	33%
		Dưới	63%	63%	63%	67%	67%	63%	63%	67%
	MA50	Trên	33%	30%	30%	33%	37%	43%	53%	50%
		Dưới	67%	70%	70%	67%	63%	57%	47%	50%
	MA20	Trên	53%	47%	59%	60%	57%	77%	97%	90%
		Dưới	47%	53%	41%	40%	43%	23%	3%	10%
HNX	MA200	Trên	29%	28%	29%	29%	29%	29%	29%	29%
		Dưới	71%	72%	71%	71%	71%	71%	71%	71%
	MA50	Trên	34%	31%	31%	30%	30%	31%	28%	31%
		Dưới	66%	69%	69%	70%	70%	69%	72%	69%
	MA20	Trên	29%	28%	29%	29%	29%	29%	29%	29%
		Dưới	71%	72%	71%	71%	71%	71%	71%	71%
UPCOM	MA200	Trên	33%	33%	34%	35%	34%	34%	36%	34%
		Dưới	67%	67%	66%	65%	66%	66%	64%	66%
	MA50	Trên	33%	32%	32%	33%	34%	34%	35%	33%
		Dưới	67%	68%	68%	67%	66%	66%	65%	67%
	MA20	Trên	34%	33%	33%	34%	33%	33%	33%	34%
		Dưới	66%	67%	67%	66%	67%	67%	67%	66%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16	Tháng 8														Tháng 7					
	20	19	18	17	14	13	12	11	10	07	06	05	04	03	31	30	29	28	27	24
1 Bán lẻ	74	72	72	74	71	73	71	71	68	59	60	61	56	50	42	35	29	24	24	28
2 Tài nguyên Cơ bản	64	66	65	61	62	61	64	65	66	64	64	62	61	58	54	51	48	45	45	41
3 Hàng & Dịch vụ Côn...	56	57	58	52	49	51	53	52	48	39	36	36	35	32	29	29	24	22	23	24
4 Điện, nước & xăng d...	55	56	55	53	52	57	59	62	61	52	50	50	52	49	37	36	36	36	36	37
5 Truyền thông	51	51	54	54	37	61	64	64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6 Thực phẩm và đồ uống...	50	49	49	48	48	48	47	46	46	43	42	45	47	44	42	41	36	33	31	31
7 Ô tô và phụ tùng	49	52	51	55	55	56	56	57	61	58	60	60	57	57	56	54	54	52	51	51
8 Hóa chất	44	43	44	41	41	44	46	47	47	41	34	36	36	31	30	28	24	24	24	23
9 Ngân hàng	43	42	44	42	44	49	52	52	51	44	44	47	46	40	35	33	32	32	33	34
10 Xây dựng và Vật liệu	42	45	47	44	42	42	41	39	39	36	37	39	39	33	31	28	27	28	27	27
11 Hàng cá nhân & Gia ...	42	42	41	42	39	34	33	35	31	24	25	26	28	27	23	21	17	16	16	17
12 Dầu khí	41	39	36	29	30	38	44	40	42	39	31	31	33	30	31	30	29	28	31	25
13 Du lịch và Giải trí	36	35	36	35	35	37	39	39	39	37	41	38	37	30	26	24	22	22	23	25
14 Dịch vụ tài chính	30	30	32	31	31	35	37	38	36	31	33	37	35	31	34	30	28	25	30	35
15 Bất động sản	28	30	33	29	28	30	33	32	32	31	33	34	32	29	27	26	22	20	21	21
16 Công nghệ Thông tin	28	26	30	28	27	30	44	46	46	40	44	46	42	30	23	20	18	17	16	17

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GAS	83,500	-0.2%	7.2%	201,481	2.9	15.9	5,269	92.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	74,500	-0.4%	1.9%	140,449	2.2	45.6	1,634	166.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	27,000	1.1%	1.9%	135,197	1.8	6.9	3,933	221.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HDB	26,850	0.6%	0.6%	134,392	1.6	6.9	3,897	239.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNM	64,000	1.4%	3.9%	133,757	4.2	12.2	5,246	403.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAB	46,800	2.0%	2.1%	60,024	3.1	12.6	3,723	77.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	43,000	0.0%	7.8%	47,677	3.3	19.5	2,209	65.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	35,100	0.3%	0.3%	46,520	2.0	6.0	5,816	5.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	145,000	1.4%	-1.3%	25,928	5.4	22.8	6,359	61.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SBT	23,800	0.0%	3.5%	21,573	1.9	26.0	915	37.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	63,500	1.3%	4.6%	20,323	3.8	50.8	1,250	117.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
PHP	45,900	3.8%	6.7%	14,849	2.2	12.1	3,743	10.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAF	32,200	0.6%	2.5%	11,747	2.7	124.2	259	45.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVT	20,350	-0.2%	1.8%	10,519	1.1	7.5	2,711	86.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DGW	42,700	0.0%	-1.0%	9,444	2.5	11.3	3,785	34.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TLG	51,900	0.4%	-3.0%	5,010	2.0	10.9	4,779	5.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHC	36,550	-0.7%	3.2%	3,883	1.5	7.1	5,172	21.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TDP	30,950	1.8%	2.8%	2,900	2.3	20.8	1,489	8.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CLI	28,600	1.8%	5.1%	2,611	0.0	0.0	0	10.5	Tích cực	9.5			
CTF	21,000	0.5%	1.2%	2,009	2.0	139.0	151	6.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
F88	64,000	-0.8%	-4.2%	14,782	4.9	14.6	4,365	9.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	12,900	0.0%	-4.4%	13,781	1.3	27.1	476	15.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PAN	19,500	1.3%	-4.9%	4,888	0.9	4.0	4,873	6.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	57,800	0.7%	-2.9%	482,958	1.9	11.6	4,984	173.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	21,150	-0.2%	-2.5%	178,569	1.3	7.7	2,750	322.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	78,100	0.9%	-2.4%	70,273	3.3	4.6	17,023	6.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	16,900	-0.3%	-3.4%	31,480	1.2	64.0	264	38.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	45,600	-0.3%	-2.1%	28,404	1.3	10.8	4,239	7.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NAB	11,550	-0.4%	-1.7%	24,934	1.0	5.1	2,264	16.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	15,800	0.3%	-4.5%	24,052	1.1	8.9	1,773	71.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	31,800	-1.9%	-7.0%	13,275	2.0	6.1	5,201	54.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	14,700	-0.7%	-7.0%	13,222	1.1	13.1	1,119	68.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	20,100	-1.2%	-2.9%	8,267	1.2	7.0	2,861	13.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NKG	10,600	0.5%	-4.1%	5,219	0.7	31.3	338	5.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VC3	24,900	0.8%	-2.7%	3,447	2.2	48.1	518	25.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSH	30,000	-0.7%	-3.8%	3,376	1.7	5.0	5,982	7.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DDV	17,800	-0.6%	-3.3%	2,600	1.2	4.3	4,141	6.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVS	25,900	0.0%	-4.4%	1,870	0.7	10.7	2,432	6.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	75,000	0.1%	-2.6%	134,498	3.0	45.1	1,662	36.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHB	11,600	0.9%	-1.7%	61,987	0.8	4.5	2,576	270.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	8,310	-2.92%	-1.07%	25,500	197.9%	(337)	0.8	-24.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KDH	17,150	-1.44%	-3.38%	42,600	144.8%	1,565	1.0	11.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NLG	23,450	1.30%	4.22%	45,800	97.8%	1,407	0.9	16.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MWG	72,700	0.69%	-1.22%	140,000	93.9%	6,665	3.0	10.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HDC	11,600	-0.43%	0.00%	21,400	83.7%	2,909	0.9	4.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HDG	15,750	-0.32%	-3.37%	28,700	81.6%	1,803	0.9	8.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,400	0.00%	-0.74%	23,100	72.4%	1,983	0.7	6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	31,300	2.62%	1.62%	51,000	67.2%	4,945	1.4	6.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	21,150	-0.24%	-2.53%	35,400	67.0%	2,750	1.3	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	24,550	-0.20%	-3.35%	40,500	64.6%	1,048	1.6	23.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	32,000	0.95%	-4.90%	52,000	64.0%	5,856	0.9	5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	40,550	-0.61%	-0.12%	66,800	63.7%	3,174	2.2	12.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PVS	37,000	2.78%	5.71%	58,800	63.3%	4,118	1.2	9.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DPG	29,000	-3.33%	-5.23%	48,900	63.0%	3,441	1.2	8.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	31,400	1.29%	-2.33%	50,000	61.3%	5,172	1.2	6.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	31,800	-1.85%	-7.02%	51,200	58.0%	5,201	2.0	6.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	20,100	-0.50%	-0.99%	31,900	57.9%	1,738	1.1	11.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	20,300	1.75%	0.74%	31,300	56.9%	3,239	1.4	6.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DXG	10,850	-0.91%	0.00%	17,000	55.3%	157	1.0	69.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VPB	24,900	0.20%	-1.78%	38,000	52.9%	3,758	1.1	6.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn